

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 3 - 2022

V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thanh**

Các Thẩm phán:

Ông **Đặng Ngọc Bình**

Ông **Dur Thành Trung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 75/2021/HNGĐ-ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐ-PT ngày 25/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, Sinh năm 1944.

Địa chỉ: Số nhà 19/2 đường TĐ, tổ 7, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Th**, Sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Vũ Thị S**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D – Nguyên đơn.

(Ông D có mặt; bà Th, chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/5/2020 của ông Nguyễn Văn D và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông D và bà Th đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2014 tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm và sống chung với nhau tại căn nhà của bà Th có từ trước khi kết hôn. Căn nhà xây dựng trên thửa đất 580, tờ bản đồ 36 tọa lạc tại tổ 4, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, gồm 01 phòng khách khoảng 09m², 01 phòng ngủ diện tích khoảng 09m², 01 phòng bếp và 01 phòng vệ sinh diện tích khoảng 12m², ngoài ra phía trước phòng khách có khoảng 01m lợp tôn.

Đến ngày 15/12/2014, ông D bà Th thuê ông Trần Minh T, trú tại 87/2, khu 7, phường LS, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng làm thầu xây dựng để nâng cấp sửa chữa lại căn nhà của bà Th thành 02 phòng Karaoke và nới rộng 01 phòng khách, làm mới 01 nhà vệ sinh, 01 gác xếp gỗ, xây đường luồng và 02 trụ cổng. Toàn bộ số tiền nâng cấp, sửa chữa nhà nêu trên do ông D trực tiếp bỏ tiền mua vật liệu xây dựng và thanh toán tiền công với số tiền là 316.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền trên là do bán đất riêng của ông, bà Th không đóng góp tiền vào việc sửa chữa nhà nêu trên.

Năm 2018, ông bà đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm nhưng về tài sản chung tự thỏa thuận. Sau khi ly hôn, căn nhà nêu trên do bà Th quản lý, sử dụng.

Trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn (năm 2017) bà Th đã thanh toán cho ông số tiền 20.000.000 đồng và sau khi ly hôn (năm 2019) bà Th đã thanh toán cho ông số tiền 30.000.000 đồng, tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải thanh toán cho ông số tiền 266.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Vào khoảng năm 2015, bà và ông D có sống chung với nhau. Đến năm 2018, ông bà ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm. Khi ly hôn chỉ yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn, giữa bà và ông D thỏa thuận về việc chia tài sản, cụ thể là bà phải thanh toán cho ông D số tiền 50.000.000 đồng thành 02 lần. Năm 2017 bà thanh toán số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này ông D đưa cho bà để chi tiêu ăn

uống, sinh hoạt vợ chồng khi mới về sống chung với nhau và năm 2019 bà thanh toán 30.000.000 đồng, số tiền này ông D đưa để đi mua 01 bộ máy nước nóng năng lượng mặt trời giá 11 triệu đồng, 01 máy giặt giá 04 triệu đồng, trả tiền làm gác gỗ khoảng 05 triệu đồng (*thời điểm này vẫn chưa sửa nhà*). Khi sửa nhà toàn bộ chi phí khoảng 206.612.000 đồng là tiền riêng của bà do bán đất và vay ngân hàng mà có.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu phải thanh toán số tiền 266.000.000 đồng bà không đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị S trình bày:*

Vào đầu năm 2021, mẹ chị là bà Nguyễn Thị Th làm thủ tục tặng cho chị toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 508, tờ bản đồ 36 thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm. Về thủ tục tặng cho đã hoàn tất về mặt pháp luật, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã điều chỉnh sang tên của chị vào ngày 26/02/2021. Thời điểm tặng cho trên đất đã có căn nhà xây cấp 4, hiện tại chị đang quản lý sử dụng toàn bộ nhà và đất nêu trên. Về tranh chấp giữa bà Th và ông D chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 75/2021/HNGĐ-ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đã xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Chia tài sản sau ly hôn*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D với bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc buộc bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với số tiền là 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 16/12/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán cho ông số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và buộc bà Nguyễn Thị Th phải

thanh toán cho ông giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với số tiền là 150.000.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Th và ông D ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm nhưng về tài sản chung tự thỏa thuận. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn chưa giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Chia tài sản sau ly hôn*” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th và chị Vũ Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Ngày 22/02/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận được đơn đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định giá của ông D. Tại phiên tòa phúc thẩm ông D không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định giá lại và đã có đơn xin rút yêu cầu thẩm định giá, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông D. Xét thấy việc rút đơn đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định giá của ông D là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D thì:

[4.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D nộp trong hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[4.2] Cả nguyên đơn ông D và bị đơn bà Th đều thừa nhận sau khi ông D, bà Th kết hôn và về chung sống với nhau thì ông D, bà Th có bàn bạc thống nhất

sửa chữa lại căn nhà của bà Th để kinh doanh Karaoke. Theo ông D thì tổng số tiền chi phí sửa chữa, nâng cấp mà ông đã bỏ ra là 316.000.000 đồng là tiền riêng của ông D. Tại phiên tòa sơ thẩm ông D chỉ yêu cầu bà Th thanh toán cho ông D số tiền 150.000.000 đồng. Còn bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D và cho rằng tổng số tiền chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà 206.312.000 đồng là tiền riêng của bà Th bỏ ra.

Nhưng cả ông D và bà Th đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa, quá trình sửa chữa, nâng cấp nhà diễn ra trong thời kỳ hôn nhân và cả ông D và bà Th đều không có văn bản thỏa thuận nào khác, căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xác định đây là tài sản chung của ông D, bà Th và chia mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là phù hợp (Theo chứng thư thẩm định giá thì tài sản tranh chấp có giá trị $82.217.289 \text{ đồng} / 2 = 41.108.644 \text{ đồng}$).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D thừa nhận bà Th đã thanh toán cho ông tổng số tiền là 50.000.000 đồng (*năm 2017 là 20.000.000 đồng và năm 2019 là 30.000.000 đồng*).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi tính chất, nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông D không được chấp nhận nên buộc ông D phải chịu số tiền 12.900.000 đồng này là đúng quy định của pháp luật. (Số tiền này ông D đã nộp đủ và được Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm quyết toán xong).

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1944, đến thời điểm xét xử ông D là người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 và ông D có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông D theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Chia tài sản sau ly hôn*” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D với bị đơn bà Nguyễn Thị Th.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc buộc bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với số tiền là 150.000.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu số tiền 12.900.000 đồng (ông D đã nộp đủ).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Văn D.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự (03);
- Lưu án văn; lưu hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh